

Số: /TB-UBND

Cẩm Giàng, ngày tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 1876/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

UBND xã Cẩm Giàng đã công khai nội dung thủ tục hành chính và Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 trên Cổng thông tin điện tử xã Cẩm Giàng tại địa chỉ: camgiang1.haiphong.gov.vn; (mục tra cứu thủ tục hành chính) và niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ Hành chính công xã (Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Vậy, Ủy ban nhân dân xã thông báo để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã (b/c);
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ HCC xã (để niêm yết);
- Cổng TTĐT xã (để đăng tải);
- Lưu VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Hà

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH , ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (Có hiệu lực từ 01/6/2026 đến 01/3/2027)

A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH						
1	1.011452	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam	08 ngày làm việc	04 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.	Không quy định	- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15. - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).
II	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ						
2	1.004104	Thủ tục Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	04 ngày làm việc	02 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Không quy định	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
					- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.		<p>và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p> <p>- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p> <p>- Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15/11/2016 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p> <p>- Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							- Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

A2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH						
1	2.001594	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.	Không quy định	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (Nghị định số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ).</p> <p>- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ).</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản (Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).</p> <p>- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật 7 xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản (Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).</p> <p>- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							giản hóa thủ tục hành chính quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ). - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	2.001584	Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.	Không quy định	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							-Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
II	LĨNH VỰC BÁO CHÍ						
3	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	15 ngày	7,5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.	Không quy định	- Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
III	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MUA BÁN QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA						
4	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính	Theo Biểu I phí, lệ phí kèm theo	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		chơi giải trí nhập khẩu			công các xã, phường, đặc khu.		<p>năm 2014 Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - <i>Thông tư số 09/2026/TTBVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</i>
IV	LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NGHIỆP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM						
5	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, 	<i>Theo Biểu II phí, lệ phí kèm theo</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		đích kinh doanh			phường, đặc khu.		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - <i>Thông tư số 09/2026/TTBVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</i>

BIỂU I
PHÍ, LỆ PHÍ ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM NGHE NHÌN CÓ NỘI DUNG VUI CHƠI GIẢI TRÍ NHẬP KHẨU

STT	Tên khoản phí, lệ phí	Mức thu
Phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác		
1	<i>Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa</i>	
a	Đối với bản ghi âm	140.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 100.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).
b	Đối với bản ghi hình	200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 140.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).
2.	<i>Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác</i>	
a	Đối với bản ghi âm	
a.1	Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc	1.400.000 đồng/chương trình
a.2	Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc	1.400.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 34.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 4.670.000 đồng/chương trình.
b	Đối với bản ghi hình	
b.1	Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc	1.670.000 đồng/chương trình
b.2	Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc	1.670.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 6.000.000 đồng/chương trình.

2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

BIỂU II
PHÍ, LỆ PHÍ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM MỸ THUẬT, TÁC PHẨM NHIẾP ẢNH

STT	Tên khoản phí, lệ phí	Mức thu
1	<i>Đối với tác phẩm mỹ thuật</i>	
a	Đối với 10 tác phẩm đầu tiên	300.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định
b	Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49	270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định
c	Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi	240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng
2.	<i>Đối với tác phẩm nhiếp ảnh</i>	
a	Đối với 10 tác phẩm đầu tiên	100.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định
b.	Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49	90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định
c.	Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi	80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định